

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2019/DS-PT
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Huỳnh Tuấn Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, về “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 63, đường số 9, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1950.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa, xã Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Trần Thị M, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hợp, xã Bào Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa, xã Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H, bà M, bà T: Ông Trần Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 63, đường số 9, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
(theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018)

- **Bị đơn:** Ông Trần Hữu Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Th: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: 381 ấp Ngãi Lợi B, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

(theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019)

Người bảo vệ quyền lợi cho ông Th: Luật sư Nguyễn Hoàng Lan – Văn phòng luật sư Nguyễn Anh Trí thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa.

Địa chỉ: Ô 7, khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn L - Chủ tịch đại diện (vắng mặt-có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Văn phòng công chứng Đức Hòa:

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Ch - Trưởng văn phòng đại diện (vắng mặt - có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 376C, khu vực 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1950.

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà B: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018)

4. Anh Trần Hữu T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đức Hạnh 1, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Ông Trần Văn X, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H, Ông X: Ông Trần Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 63, đường số 9, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019)

7. Ông Trần Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số 116, đường Đề Thám, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Cơ: Ông Trần Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 63, đường số 9, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019)

8. Bà Võ Thị H, sinh năm 1983 (có yêu cầu độc lập, vắng mặt - có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện cho Ông Trần Hữu Th, Bà Đặng Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 của nguyên đơn Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị H, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn do Ông Trần Văn M đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Mẹ ông là cụ Huỳnh Thị Th (chết năm 2004). Cụ Th có 02 đời chồng:

Đời chồng thứ nhất tên Trần Văn Th (chết năm 1948) có các con tên: Trần Văn S (chết năm 2001 và có vợ tên Đặng Thị B, các con tên Trần Hữu Th, Trần Hữu T, Trần Văn C), Trần Văn C (liệt sỹ nhưng chưa có vợ con), Trần Thị H. Trong quá trình chung sống, Cụ Th và Cụ Thép có tạo lập khối tài sản chung là phần đất khoảng 8.000m² tọa lạc tại ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đời chồng thứ hai tên Trần Văn C (chết năm 1997) có các con tên: Trần Thị H, Trần Văn X, Trần Văn M, Trần Thị M, Trần Thị T và Trần Thị H (chết khi còn nhỏ). Trong quá trình chung sống, Cụ Th và cụ C có tạo lập khối tài sản chung là phần đất khoảng 1.500m² tọa lạc ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Một phần đất ruộng tại ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và diện tích đất 2.316m² thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Năm 1997, Cụ Th có hợp các con lại chia cho các con Cụ Th như sau:

Đất tại ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An chia cho ông S và bà H.

Đất tại ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An chia cho Ông X.

Đất tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An chia cho ông M, bà H, bà M và bà T. Đồng thời, do ông M, bà H, bà M và bà T đi làm ăn xa nên tạm để cho ông S đứng tên kê khai đất rồi sau này giao lại cho ông M, bà H, bà M và bà T.

Đến năm 2000, do tuổi già sức yếu nên Cụ Th có kêu các con lại lập tờ tương phân chia đất cho các con Cụ Th để tránh việc anh chị em tranh giành nhau khi Cụ Th mất.

Đến năm 2001, ông S chết và vợ con ông S làm thủ tục cho anh Th được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất phần đất nêu trên và đã chuyển nhượng một phần cho Bà Võ Thị H.

Năm 2004, Cụ Th chết không để lại di chúc. Nay ông M, bà H, bà M và bà T yêu cầu anh Th trả lại phần đất diện tích $2.316m^2$ thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) đã xây dựng từ năm 2005.

Bị đơn Ông Trần Hữu Th do Ông Trần Hữu T đại diện theo ủy quyền, ông T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của Bà Đặng Thị B trình bày tại giai đoạn sơ thẩm như sau:

Ông T là con của ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị Th là bà nội của ông. Ông T thống nhất về mối quan hệ huyết thống giữa ông với các cô chú, họ tên ông bà, cha mẹ, thời gian ông bà, cha mẹ chết như ông M trình là đúng.

Về nguồn gốc diện tích đất $2.316m^2$ thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) đã xây dựng từ năm 2005 là do cha ông S chết để lại. Từ nhỏ lớn lên ông S chung sống với bà Thanh và trực tiếp chăm sóc bà nội từ lúc khỏe đến lúc ốm đau bệnh tật. Nay ông M, bà H, bà M và bà T yêu cầu ông Th trả lại phần đất nêu trên thì ông không đồng ý. Ông T cho rằng đất là của ông S chết để lại nên vợ và các con của ông S gồm bà B, ông T, ông Th được hưởng. Đồng thời, ông T cho rằng ông S không có ký tên trong tờ tương phân ngày 19/02/2000 nên yêu cầu giám định chữ ký của ông S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị H trình bày:

Bà H là con của cụ Trần Thị Th và cụ Trần Văn Th. Khi Cụ Th chết thì năm 1997 Cụ Th đã đứng ra chia cho bà H và ông S phần đất tại ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xong. Riêng phần diện tích đất $2.316m^2$ thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là phần tài sản chung giữa Cụ Th và cụ Còn là chồng sau đã chia cho ông M, bà H, bà M và bà T năm 1997 rồi nhờ ông S đứng tên và năm 2000 Cụ Th có kêu các con lại làm tờ tương phân chia đất cho các con Cụ Th để tránh việc anh chị em tranh giành nhau khi Cụ Th chết. Nay ông M, bà H, bà M và bà T yêu cầu anh Th trả lại phần đất nêu trên thì bà H xác định bà đã được chia đất rồi nên không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn X trình bày:

Ông X là con của cụ Trần Thị Thanh và cụ Trần Văn C. Năm 1997, khi Cụ Th còn sống thì Cụ Th đã đứng ra chia cho Ông X phần đất tại ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xong. Riêng phần diện tích đất $2.316m^2$ thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là phần tài sản chung giữa Cụ Th và cụ C là chồng

sau đã chia cho ông M, bà H, bà M và bà T năm 1997 rồi nhờ ông S đứng tên và năm 2000 Cụ Th có kêu các con lại làm tờ tương phân chia đất cho các con Cụ Th để tránh việc anh chị em tranh giành nhau khi bà Th chết. Nay ông M, bà H, bà M và bà T yêu cầu anh Thục trả lại phần đất nêu trên thì Ông X xác định ông đã được chia đất rồi nên không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn C trình bày:

Ông C là con của ông Trần Văn S và ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.316m² thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Năm 2001, ông S chết và vợ con ông S (bà B, ông T, ông Th) làm thủ tục cho ông Th được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất nêu trên và đã chuyển nhượng một phần cho Bà Võ Thị H nhưng không thông qua ý kiến ông. Nay ông M, bà H, bà M và bà T yêu cầu ông Th trả lại phần đất nêu trên thì anh không có tranh chấp gì trong vụ án này. Ông C xác định là người viết tờ tương phân ngày 19 tháng 02 năm 2000 theo những nội dung Cụ Th yêu cầu còn phần chữ ký là những người tham gia tự ký tên. Đồng thời xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S ngày 22/6/1997 với tổng diện tích 2.316m² gồm 03 thửa đất, loại đất LM, T (thổ) và VT (vườn thổ), đất tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt của Hội đồng đăng ký xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương của xã Mỹ Hạnh Nam đã được thông qua tại biên bản ngày 02/01/1997 và tờ trình của UBND xã Mỹ Hạnh Nam và theo danh sách những hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Trần Văn Sách, sinh năm 1943. Theo hồ sơ lưu trữ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn Sách không thể hiện nguồn gốc đất.

UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Trần Hữu Th ngày 26/10/2012 với tổng diện tích 2.316m² gồm các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là căn cứ vào văn bản phân chia thừa kế được Văn phòng công chứng Đức Hòa công chứng ngày 28/10/2010.

UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà Võ Thị H ngày 23/5/2013 với diện tích 871m² tại thửa đất 62 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Trần Hữu Th và Bà Võ Thị H được Văn phòng công chứng Đức Hòa công chứng ngày 01/3/2013. Đồng thời xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đức Hòa trình bày:

Vào ngày 28/10/2011, Văn phòng công chứng Đức Hòa có nhận được yêu cầu công chứng văn bản chia thừa kế của Ông Trần Hữu T, sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Việc công chứng văn bản phân chia tài sản thừa kế nêu trên đúng theo trình tự, quy định của pháp luật về công chứng, ý chí tự nguyện cũng như cam kết của các đương sự khi tham gia lập văn bản. Ngày 01/3/2013, Văn phòng công chứng Đức Hòa có nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Trần Hữu Th và Bà Võ Thị H: Ông Th chuyển nhượng cho bà Hà diện tích 871m² thuộc thửa 62 tờ bản đồ số 04 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với giá 170.000.000đ. Việc công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đúng theo trình tự, quy định của pháp luật về công chứng, ý chí tự nguyện cũng như cam kết của các đương sự khi tham gia lập văn bản. Do đó văn phòng công chứng Đức Hòa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đồng thời Văn Phòng công chứng Đức Hòa xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị H có yêu cầu độc lập do ông Huỳnh Công Tuấn là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2013, bà Hà có mua diện tích đất 871m² thuộc thửa số 62 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với giá 200.000.000đồng. Sau đó, hai bên đến Văn phòng công chứng Đức Hòa làm thủ tục chuyển nhượng và được UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 23/5/2013. Từ năm 2013, bà Hà đã nhận đất và sử dụng từ đó đến nay. Nay ông M, bà H, bà M và bà T yêu cầu ông Th trả lại phần đất nêu trên thì ông Tuấn đại diện theo ủy quyền của bà Hà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đã mua nêu trên cho bà Hà.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ Căn Điều 35, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 186, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219, Điều 223, Điều 226 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 207, Điều 213, Điều 218, Điều 216, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai 2013; Căn cứ án lệ số 24/2018/AL theo Quyết định công bố số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Trần Hữu Th; Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất” đối với Bà Đặng Thị B, anh Trần Hữu T, anh Trần Hữu Th.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị H về việc Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 871m² thuộc thửa 62 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bà Hà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T “*Tranh chấp Đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” với anh Trần Hữu Th, anh Trần Hữu T và Bà Đặng Thị B.

Buộc bà B, anh Thừa, anh Thực, bà Hà có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông M, bà H, bà T, bà M diện tích 2.316m² (đo đạc thực tế 2.348.2m²) gồm các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) đã xây dựng từ năm 2005 có tứ cận như sau:

Đông giáp thửa 48,95

Tây giáp thửa 50,60,97

Nam giáp thửa 110

Bắc giáp thửa 49

Theo mảnh trích đo ngày 02/11/2015 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Hòa phê duyệt ngày 25/11/2015.

Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235077 ngày 26/10/2012 của Ông Trần Hữu Th và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 615472 ngày 23/5/2013 của Bà Võ Thị H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị B, Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T không phải nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Hữu T, Ông Trần Hữu Th phải chịu 7.982.000đồng và bà Võ Thu Hà phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, bà Hà được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 7986 ngày 13/11/2015. Hoàn lại cho Ông Trần Văn C số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng theo biên lai số 7988 ngày 13/11/2015; Số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đồng theo biên lai số 2489 ngày 29/3/2018; Số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng theo biên lai số 2356 ngày 13/7/2015; Số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng theo biên lai số 2357 ngày 13/7/2015; Số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng theo biên lai số 2358 ngày 13/7/2015; Số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đồng theo biên lai số 8434 ngày 14/6/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 23/7/2019, Ông Trần Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của Ông Trần Hữu Th là bị đơn và Bà Đặng Thị B là

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Ông Trần Hữu Th do Ông Nguyễn Văn T trình bày: Các cơ quan giám định không kết luận được chữ ký của ông Trần Văn Sách trong “Tờ tương phân ngày 19/02/2000 nên Tòa án cấp sơ căn cứ vào tờ tương phân này để làm căn cứ giải quyết vụ án là không phù hợp. Do các cơ quan giám định kết luận không giám định được chữ ký trong tờ tương phân có phải của ông S hay không nên ông đề nghị xem xét cho giám định lại. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xem xét lại chi phí giám định vì ông T không tự nguyện chịu chi phí này.

Ông Trần Hữu T trình bày: Ông Th nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông S, nhưng không biết nguồn gốc đất từ đâu ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất đang tranh chấp ông S đứng tên. Ông S chết nên đây là di sản của ông S thì các con của ông S được thừa hưởng và lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là đúng pháp luật.

Ông Trần Văn M trình bày: Khi còn sống Cụ Th đã phân chia đất cho các con mỗi người một phần, phần của các nguyên đơn để cho ông S đứng tên dùm. Tờ tương phân có mục đích phân định tài sản của cha mẹ cho các con mỗi người được một phần đất, các nguyên đơn đi làm ăn xa nên tạm giao cho ông S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ và các con của ông S không sống tại đại phượng, đến khi ông S chết thì những người này lập thủ tục thừa kế cho ông Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, ông T, bà B.

Luật sư Nguyễn Hoàng Lan phát biểu: Ông S là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn không chứng minh được có việc đứng tên dùm. Sau khi ông S chết, vợ và các con của ông S lập thủ tục thừa kế là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Các bên đương sự xác định quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cụ Huỳnh Thị Thanh, tại thời điểm năm 1997 khi Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Sách kê khai thừa kế nhưng không chứng minh được là quyền sử dụng đất thừa số 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam là do cụ Huỳnh Thị Thanh tặng cho ông S,

khi đó Cụ Th còn sống. Theo kết luận giám định hai cơ quan giám định thì không đủ cơ sở xác định chữ ký Sách của ông Trần Văn Sách hay không, ông Th yêu cầu giám định lại chữ ký của ông S nhưng không cung cấp mẫu chữ ký của ông S nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu giám định lại của ông Th. Theo lời trình bày của Bà Trần Thị H là em ruột của ông Trần Văn Sách là người cùng mẹ khác cha với các nguyên đơn xác nhận tại thời điểm ngày 19/02/2000 thì ông Trần Văn Sách cùng với bà và Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn X, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T có ký vào tờ tương phân ruộng đất nên có cơ sở xác định tờ tương phân ruộng đất ngày 19/02/2000 có giá trị, phần đất của các nguyên đơn tạm giao cho ông S đứng tên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Ông T thừa kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Hữu Th, Ông Trần Hữu T và Bà Đặng Thị B do ông T đại diện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp đòi quyền sử dụng đất là thiếu sót.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Hữu T, thấy rằng:

[3.1] Các đương sự trình bày thống nhất: Cụ Huỳnh Thị Thanh (chết năm 2004). Cụ Th có 02 đời chồng:

Đời chồng thứ nhất tên Trần Văn Th (chết năm 1948) có các con tên: Trần Văn S (chết năm 2001 và có vợ tên Đặng Thị B, các con tên Trần Hữu Th, Trần Hữu T, Trần Văn C), Trần Văn C (liệt sỹ nhưng chưa có vợ con), Trần Thị H. Trong quá trình chung sống, Cụ Th và Cụ Thép có tạo lập khối tài sản chung là phần đất khoảng 8.000m² tọa lạc tại ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đời chồng thứ hai tên Trần Văn C (chết năm 1997) có các con tên: Trần Thị H, Trần Văn X, Trần Văn M, Trần Thị M, Trần Thị T và Trần Thị H (chết khi còn nhỏ). Trong quá trình chung sống, Cụ Th và cụ C còn có tạo lập khối tài sản chung là phần đất khoảng 1.500m² tọa lạc tại ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và diện tích 2.316m² gồm các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà cấp 4 hiện không còn giá trị sử dụng.

Đây là các tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Các đương sự không thống nhất căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của các bên. Ông M, bà H, bà M và bà T cho rằng phần đất diện tích đất 2.316m² thuộc các thửa 61, 62, 96 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 đã không còn giá sử dụng; các ông bà đã được Cụ Th cho các ông bà vào năm 1997 và năm 2000 Cụ Th cho các con phát sinh tranh chấp nên có làm tờ tương phân giao lại cho các ông bà nhưng nhờ ông S đứng tên dùm vì các ông bà đi làm ăn xa. Ông T cho rằng đất là của cha của ông là ông S chết để lại nên bà B, ông T, ông Th được hưởng.

[3.4] Xét thấy, năm 1997, khi còn sống cụ Huỳnh Thị Th đã chia đất cho các con mỗi người một phần và những người con đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và sử dụng đất ổn định cho đến nay riêng phần đất ông S được hưởng tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Sau khi ông S chết thì Thừa đã chuyển nhượng cho người khác. Riêng diện tích 2.316m² gồm các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà cấp 4 các nguyên đơn cho rằng là tài sản của Cụ Th và cụ Còn đã chia cho ông M, bà H, bà M và bà T nhưng do ông M, bà H, bà M và bà T đi làm ăn xa nên tạm để cho ông S đứng tên kê khai đất rồi sau này giao lại cho ông M, bà H, bà M và bà T. Sự việc này được các người con của Cụ Th, Cụ Thép, cụ Còn xác nhận. Thực tế thời điểm Cụ Th chia đất cho các con thì các con đều đã trưởng thành một số có gia đình riêng và có nhu cầu về đất ở riêng ông M, bà H, bà M và bà T đi làm ăn xa nên chưa có nhu cầu xây nhà ở nên để lại cho ông S quản lý.

[3.5] Theo tờ tương phân ngày 19/02/2000 thì diện tích 2.316m² gồm các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà ở thờ cúng được chia cho ông M, bà T, bà H và bà Mới. Việc ông Tiết đại diện cho ông Th và ông T không T nhận chữ viết và ký của ông S trong tờ tương phân nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ông Th, ông T cũng không cung cấp được mẫu chữ ký ông S tại thời điểm lập văn bản nên cơ quan giám định là Phòng kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Long An và Phân viện khoa học hình sự Bộ Công An tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận không đủ cơ sở đưa đến kết luận giám định có phải là chữ ký của ông S hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Tiết yêu cầu giám định lại chữ ký của ông S nhưng không cung cấp được mẫu chữ ký của ông Th tại thời điểm xác lập tờ tương phân nên không chấp nhận yêu cầu này của ông Tiết. Trong khi đó, những người con của Cụ Th thừa nhận các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, trên đất có nhà thờ cúng được bà Thanh chia cho ông M, bà T, bà H và bà M được tạm giao cho ông S quản lý. Việc phân chia được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ đất đai; thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào, không ai tranh chấp nên có cơ sở xác định nhà và đất không còn là di sản thừa kế của Cụ Th, cụ Còn nữa mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của ông M, bà H, bà M và bà T nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 219, 223, 226 của Bộ luật

dân sự năm 2005 (nay là Điều 213, 218, 220 của Bộ luật dân sự năm 2015) và phù hợp với án lệ số 24/2018/AL theo Quyết định công bố số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018. Ông Th, ông T, bà B không có quá trình sử dụng đất mà chỉ căn cứ vào việc ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác lập quyền thừa kế là không phù hợp. Riêng căn nhà Cụ Th trên đất, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác định nhà đã hư hỏng nặng, không còn giá trị sử dụng không tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Hà có yêu cầu độc lập do ông Huỳnh Công Tuấn là người đại diện theo ủy quyền xác định vào năm 2013, bà Hà có mua diện tích đất 817m² thuộc thửa số 62 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với giá 200.000.000đồng. Sau đó, hai bên đến Văn phòng công chứng Đức Hòa làm thủ tục chuyển quyền và được Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/5/2013. Từ năm 2013, bà Hà đã nhận đất và sử dụng từ đó đến nay nên yêu cầu công nhận phần đất trên cho bà Hà. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Th chuyển nhượng cho bà Hà diện tích đất này đã được Cụ Th chia cho ông M, bà H, bà T, bà Mnhưng không có ý kiến của các ông bà này nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th, bà Hà vô hiệu ngay từ khi xác lập, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Hà, bà Hà được quyền khởi kiện ông Th thành vụ án khác đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét những nội dung khác không liên quan nội dung kháng cáo.

[5] Về chi phí giám định: Ông T yêu cầu giám định chữ ký của ông S. Theo kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An và phân Viện kỹ thuật hình sự Bộ Công An đều kết luận không có cơ sở kết luận chữ ký của ông S có phải do một người ký ra hay không nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Tại phần nhận định của bản án có đề cập chi phí giám định nhưng không tuyên trong phần quyết định là thiếu sót.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vụ án thụ lý ngày 13/7/2015 nên áp dụng Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Võ Thị H phải chịu án phí không giá ngạch là 200.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Hà chịu 300.000đồng tiền án phí là không phù hợp. Cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Hữu Th, Ông Trần Hữu T, Bà Đặng Thị B do ông T đại diện. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hữu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Ông Trần Hữu T.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 100/2019/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về cách tuyên án và về án phí.

Căn cứ Điều 35, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 186, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219, Điều 223, Điều 226 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 207, Điều 213, Điều 218, Điều 216, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Điều 26, 27, 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ án lệ số 24/2018/AL theo Quyết định công bố số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn C tranh chấp “yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông Trần Hữu Th; yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất” đối với Bà Đặng Thị B, Ông Trần Hữu T, Ông Trần Hữu Th.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị H về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 871m² thuộc thửa 62 tờ bản đồ số 4 tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bà Hà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T “*Tranh chấp Đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” với Ông Trần Hữu Th, Ông Trần Hữu T và Bà Đặng Thị B.

3.1. Buộc Ông Trần Hữu Th, Ông Trần Hữu T và Bà Đặng Thị B, Bà Võ Thị H có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông M, bà H, bà T, bà M diện tích 2.316m² (đo đạc thực tế 2.348.2m²) gồm các thửa đất 62, 61 và 96 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) đã xây dựng từ năm 2005, có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa 48,95;
- Tây giáp thửa 50,60,97;
- Nam giáp thửa 110;
- Bắc giáp thửa 49.

Theo mảnh trích đo ngày 02/11/2015 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Hòa phê duyệt ngày 25/11/2015.

3.2. Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235077 ngày 26/10/2012 của Ông Trần Hữu Th và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 615472 ngày 23/5/2013 của Bà Võ Thị H.

4. Về chi phí giám định: Ông Trần Văn Thục phải chịu 5.300.000đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng), đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Đặng Thị B, Bà Trần Thị H, Ông Trần Văn M, Bà Trần Thị M, Bà Trần Thị T không phải nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

4.2. Ông Trần Hữu T, Ông Trần Hữu Th phải chịu 7.982.000đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

4.3. Bà Võ Thu Hà phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, bà Hà được khấu trừ số tiền 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 7986 ngày 13/11/2015.

4.4. Hoàn lại cho Ông Trần Văn C số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 7988 ngày 13/11/2015; Số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đồng (năm triệu đồng) theo biên lai số 2489 ngày 29/3/2018; Số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 2356 ngày 13/7/2015; Số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 2357 ngày 13/7/2015; Số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 2358 ngày 13/7/2015; Số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 8434 ngày 14/6/2016.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hữu T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng theo biên lai số 0003229 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trịnh Thị Phúc – Huỳnh Tuấn Khải

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Thị Hồng Vân

